

Tín dụng cho vay nặng lãi ở Việt Nam: nguồn gốc, hậu quả và hướng tháo gỡ

TS. NGUYỄN MẠNH HÙNG

Viện Chiến lược Ngân hàng

Tín dụng cho vay nặng lãi, hay còn gọi là tín dụng đen, được dùng để chỉ các hoạt động cho vay dân sự giữa các cá nhân, tổ chức không qua hệ thống tín dụng chính thức. Tín dụng cho vay nặng lãi thường diễn ra như những hoạt động ngầm, âm thầm, không ồn ào. Đặc trưng cơ bản nhất của tín dụng cho vay nặng lãi là cho vay với mức lãi suất cao và bị pháp luật nghiêm cấm. Hậu quả của tín dụng cho vay nặng lãi đổ vỡ tác động đảo lộn cuộc sống nhiều người dân, gây bất ổn xã hội, xâm hại tới trật tự xã hội, kìm hãm sản xuất, tác động tiêu cực đến kết quả hoạt động của một số tổ chức tín dụng, doanh nghiệp và ảnh hưởng tới những vấn đề xã hội khác. Vì vậy, các quy định của pháp luật đều hướng tới cấm sự phát triển của tín dụng cho vay nặng lãi.

Bài viết đề cập đến nguồn gốc, thực trạng cũng như hậu quả của tín dụng cho vay nặng lãi ở Việt Nam, những quy định của pháp luật đối với vấn đề này, trên cơ sở đó đề xuất khuyến nghị nhằm hạn chế, đẩy lùi hoạt động tín dụng cho vay nặng lãi.

1. Các chủ thể tham gia hoạt động tín dụng cho vay nặng lãi

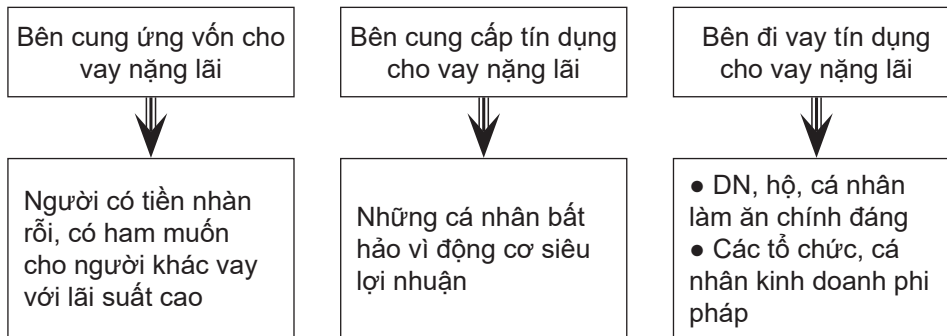
Các chủ thể gia vào hoạt động “tín dụng cho vay nặng lãi” bao gồm: bên cung ứng vốn, bên cung cấp tín dụng cho vay nặng lãi và bên đi vay tín dụng cho vay nặng lãi. Tuy cùng tham gia tín dụng cho vay nặng lãi, nhưng mục đích tham gia của các chủ thể có sự khác nhau (Sơ đồ 1).

Bên cung ứng vốn (bên gửi tiền cho các tổ chức, cá nhân làm tín dụng cho vay

nặng lãi) thường là những người có tiền nhàn rỗi, có ham muốn cho người khác vay với lãi suất cao. Họ không hiểu biết hoặc do ham lợi nhuận mà bỏ qua các quy định, cảnh báo của pháp luật. *Bên cung cấp tín dụng cho vay nặng lãi* thường là những cá nhân bất hảo, sẵn sàng làm trái các quy định của pháp luật, đạo đức, chuẩn mực của xã hội vì động cơ siêu lợi nhuận. *Bên đi vay tín dụng cho vay nặng lãi* có thể là doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân làm ăn nghiêm túc, chấp nhận vay vốn với lãi



Sơ đồ 1. Các chủ thể gia vào hoạt động tín dụng cho vay nặng lãi



đáng. Họ thiếu vốn tạm thời nhưng ngại phải tiếp xúc kênh tín dụng chính thống do thủ tục vay vốn phức tạp, thời gian xử lý lâu, nên tìm đến tín dụng cho vay nặng lãi có thủ tục cho vay đơn giản, thời gian xử lý cho vay rất

suất cao trong thời gian ngắn để xử lý mục tiêu trước mắt, nhưng cũng có thể là các tổ chức, cá nhân kinh doanh phi pháp như buôn lậu, gian lận thương mại, rửa tiền, kinh doanh hàng quốc cấm... và cho vay nặng lãi tiếp.

2. Đặc điểm của tín dụng cho vay nặng lãi

Tín dụng cho vay nặng lãi có một số đặc trưng cơ bản sau: (1) Lãi suất cao, thường cao hơn từ 3 đến 5 lần mặt bằng lãi suất của các kênh tín dụng chính thống (thậm chí cao hơn); (2) Thời gian huy động và cho vay ngắn. Thời gian huy động vốn thường tính theo tháng và tái diễn theo thỏa thuận (được ngay bằng trả lãi sòng phẳng ở những kỳ trả lãi đầu tiên). Thời gian vay chỉ tính bằng ngày, bằng tuần, tối đa chỉ một vài tháng; (3) Lãi huy động vốn thường được thỏa thuận bằng miệng, lãi cho vay được tính vào gốc và ghi ngay vào giấy nhận nợ ở thời điểm nhận tiền vay; (4) Thời gian giải ngân nhanh (thường chỉ trong ngày, ngay khi đạt được thỏa thuận); (5) Bên cho vay có thể được bảo đảm bằng tài sản hoặc bằng “niềm tin” của bên đi vay; (6) Đến hạn trả, nếu bên vay không trả được nợ, các hình thức đòi nợ theo kiểu “xã hội đen” cho vay nặng lãi được áp dụng. Ngược lại, người gửi tiền rất khó có thể lấy lại được tiền khi các con nợ là những người cho vay nặng lãi gặp khó khăn về thanh khoản.

3. Nguồn gốc của tín dụng cho vay nặng lãi

Tín dụng cho vay nặng lãi hoạt động xuất phát từ nhu cầu về vốn của cá nhân và tổ chức trong nền kinh tế. Có “Cầu” thì có “Cung”. Cầu ở đây xuất phát từ hai nhóm khách hàng có nhu cầu về vốn hoàn toàn khác nhau về bản chất:

Thứ nhất, nhóm khách hàng làm ăn chính

nhANH. Một bộ phận khách hàng khác đang có nợ đến hạn tại các kênh tín dụng truyền thống nhưng chưa có nguồn trả nợ; họ tìm đến tín dụng cho vay nặng lãi để vay tạm đảo nợ ngân hàng.

Thứ hai, các tổ chức, cá nhân có hành vi phi pháp, như buôn lậu, gian lận thương mại, rửa tiền, kinh doanh hàng quốc cấm và cho vay nặng lãi. Vì các tổ chức, cá nhân này không bao giờ có thể tiếp cận được các kênh tín dụng truyền thống, nên họ phải tìm đến tín dụng cho vay nặng lãi để có vốn hoạt động phi pháp.

Xét về căn nguyên sâu xa hơn, tín dụng cho vay nặng lãi lại có nguồn gốc từ các hình thức chơi hội, họ, biêu, phường trong nông thôn. Ban đầu, động cơ chơi hội trong các làng quê là tốt. Người chơi hội chủ yếu là để tiết kiệm và tương trợ nhau. Nhưng dần dần, nhiều nơi chơi hội đã biến tướng thành cho vay nặng lãi và lừa đảo. Một số người đã lợi dụng vào nó mà trục lợi. Thực tế những năm gần đây, nhiều nơi thường xuyên xảy ra các vụ giật hội, bẻ hội với số tiền lên đến hàng tỷ đồng, khiến nhiều gia đình lâm vào cảnh khốn đốn, chỉ vì lòng tin vào tình cảm anh em, bạn bè đồng nghiệp, bị hấp dẫn bởi số tiền “lời” thu được từ hội quá lớn, mà có nhiều người trở thành tay trắng chỉ vì chơi hội. Đến nay, không ít người vẫn rủ nhau chơi hội, khi trắng tay mới tìm đến chính quyền nhờ can thiệp. Khi đó, hoạt động chơi hội này đã “biến tướng” thành “tín dụng cho vay nặng lãi”- điều mà pháp luật nghiêm cấm và các phương tiện truyền thông, chính quyền, các tổ chức chính trị thường xuyên cảnh báo về sự nguy hiểm của nó.

Xuất phát từ kiến thức pháp luật còn hạn chế, không phải tất cả người cho vay đều biết rằng



việc cho vay tín dụng cho vay nặng lãi với lãi suất cao như vậy là vi phạm pháp luật. Hoặc nếu biết, người cho vay vẫn cố tình vi phạm do bị hấp dẫn bởi mức lãi suất cao ngất ngưởng và bị cả tin vào các “con nợ” bằng cách ứng xử duy tình. Cũng vì tâm lý này, việc cho vay thường thực hiện dễ dàng bằng lời nói, giao nhận tiền không lập biên nhận. Sự lợi lộng trong giao dịch một phần cũng do quá tin tưởng vào mối quan hệ thân thiết giữa người cho vay và người vay. “Cho vay bằng niềm tin” chính là yếu tố đem lại rủi ro lớn cho những người cung ứng vốn tín dụng cho vay nặng lãi khi tiền thì thật mà niềm tin thì chưa chắc đã là thật.

4. Các qui định hiện hành của pháp luật về cấm hoạt động tín dụng cho vay nặng lãi

Tín dụng cho vay nặng lãi có tác động tiêu cực đến đời sống kinh tế, xã hội của các tầng lớp dân cư có liên quan đến hoạt động này. Vì vậy, các qui định của pháp luật đều hướng tới cấm sự phát triển của tín dụng cho vay nặng lãi.

- Theo Điều 471- Bộ luật Dân sự năm 2005: *“Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật quy định”*.

- Để nghiêm cấm hoạt động cho vay nặng lãi, Điều 476- Bộ luật Dân sự năm 2005 cũng quy định: *“Về mức lãi suất, pháp luật cho phép các bên tự do thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố”*.

Như đã đề cập ở trên, tín dụng cho vay nặng lãi có nguồn gốc sâu xa từ chơi hụi họ, vì vậy, qui định của pháp luật về nghiêm cấm hoạt động cho vay nặng lãi thường gắn với hoạt động hụi họ.

- Điều 479 Bộ luật Dân sự 2005 quy định: *“1. Họ, hụi, biêu, phường (sau đây gọi chung là họ) là một hình thức giao dịch về tài sản theo tập quán trên cơ sở thỏa thuận của một nhóm người tập hợp nhau lại cùng định ra số người, thời gian, số tiền hoặc tài sản khác, thể thức góp, lĩnh họ và quyền, nghĩa vụ của các thành viên; 2. Hình thức họ nhằm mục đích tương trợ trong*

nhân dân được thực hiện theo quy định của pháp luật; 3. Nghiêm cấm việc tổ chức họ dưới hình thức cho vay nặng lãi”.

- Nghị định số 144/2006/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 17/11/2006 cũng quy định: *“1. Quyền và lợi ích hợp pháp của những người tham gia họ nhằm mục đích tương trợ trong nhân dân theo quy định của Nghị định này và các văn bản pháp luật khác có liên quan được pháp luật bảo vệ; 2. Nghiêm cấm việc tổ chức họ để cho vay nặng lãi, lừa đảo, lạm dụng tín nhiệm hoặc các hành vi trái pháp luật khác để chiếm đoạt tài sản của người khác”*.

Pháp luật cũng qui định nếu hành vi cho vay nặng lãi tái diễn nhiều lần sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Điều 163 Bộ luật Hình sự quy định tội cho vay lãi nặng: *“Người nào cho vay với lãi suất cao hơn mức lãi suất cao nhất mà pháp luật quy định từ mười lần trở lên có tính chất chuyên bóc lột, thì bị phạt tiền từ một lần đến mười lần số tiền lãi hoặc phải cải tạo không giam giữ đến một năm”*.

Tuy nhiên, thực tế cho thấy Điều 163 nêu trên hiện nay không còn phù hợp. Bởi, với động cơ “có tính chất chuyên bóc lột” thì những người cho vay nặng lãi luôn tìm cách né tránh các qui định pháp luật cấm. Như đề cập ở phần đặc điểm của cho vay nặng lãi, các chủ nợ tránh sự truy cứu của pháp luật bằng cách không ghi lãi suất tiền vay phải trả, mà tính chung vào giấy nhận nợ như là tiền gốc. Ví dụ: ngày 15/11/2014 ông A vay tín dụng cho vay nặng lãi 100 triệu đồng, lãi suất 10% tháng, thời gian vay 1 tháng; thì trên giấy nhận nợ ghi: Ông A vay 110 triệu đồng (thực tế ông A chỉ nhận tiền vay 100 triệu đồng), ngày trả nợ cuối cùng là 15/12/2014.

Vì vậy, cho dù lãi suất cho vay có cao hơn mức lãi suất cao nhất mà pháp luật quy định từ 10 lần trở lên thì các chủ nợ vẫn không bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội cho vay nặng lãi theo Điều 163 nêu trên¹. Qua điều tra xử lý các vụ vỡ nợ gần đây cho thấy, tình trạng cho vay nặng

¹ Theo luật sư Nguyễn Thế Truyền- trưởng văn phòng Luật hợp danh Thiên Thanh “với các chủ nợ, hoạt động cho vay của họ rất khó có thể làm rõ có mang tính chất bóc lột hay không”.



lãi hiện phức tạp hơn nhiều, trong khi đó chế tài lại không đủ sức răn đe đối tượng. Chính vì kẽ hở như trên nên các đối tượng dễ bề lợi dụng để hoạt động cho vay nặng lãi và công tác đấu tranh với vấn nạn này gặp khó khăn.

5. Mối quan hệ giữa tín dụng cho vay nặng lãi và tín dụng chính thức

Tín dụng cho vay nặng lãi và tín dụng chính thức khác hẳn nhau về cả hình thức lẫn bản chất. Nếu tín dụng chính thức là việc các TCTD huy động vốn và cho vay một cách công khai, minh bạch, thì tín dụng cho vay nặng lãi là mối quan hệ cho vay không công khai, thiếu minh bạch, mang tính chất âm ỉ, ngấm ngầm, pháp luật không thể kiểm soát. Tín dụng chính thức phải tuân thủ theo các bước, qui trình, điều kiện cho vay nghiêm ngặt; còn tín dụng cho vay nặng lãi giải quyết nhanh chóng bằng “luật xã hội đen”. Tuy nhiên, giữa chúng có mối quan hệ biện chứng với nhau. Nếu khách hàng tiếp cận nguồn vốn từ kênh tín dụng chính thức khó khăn, thì họ sẽ tự động tìm đến cho vay nặng lãi để thỏa mãn nhu cầu. Nói cách khác, khi tín dụng chính thức phát triển, tín dụng cho vay nặng lãi sẽ bị thu hẹp và ngược lại. Thực tế cho thấy, khi hệ thống ngân hàng hoạt động tốt, thì tín dụng cho vay nặng lãi bị kiềm chế; khi hệ thống ngân hàng mà thiếu vốn hoặc vì lý do nào đó khó thỏa mãn điều kiện để cho vay, thì tín dụng cho vay nặng lãi có điều kiện nổi lên và gây hậu quả xấu cho xã hội.

Đối tượng sử dụng tín dụng cho vay nặng lãi không chỉ là các cá nhân, tổ chức làm ăn phi pháp mà còn là nhiều cá nhân, hộ gia đình, doanh nghiệp làm ăn chân chính cũng sử dụng kênh tín dụng này. Họ đến với tín dụng cho vay nặng lãi bởi họ không thể tiếp cận với kênh tín dụng chính thức một cách dễ dàng hoặc ngại các thủ tục rườm rà, thời gian xử lý cho vay lâu của tín dụng chính thức. Như vậy, tín dụng cho vay nặng lãi ở một khía cạnh khác là để lấp “khoảng trống” khi mà kênh tín dụng chính thức không thể thỏa mãn cho khách hàng.

Tín dụng cho vay nặng lãi không chỉ tồn tại ngoài xã hội mà luôn tìm cách len lỏi vào ngân hàng dưới nhiều dạng biến tướng. Điều này không chỉ khó khăn cho công tác đấu tranh giải

quyết nạn tín dụng cho vay nặng lãi mà còn gây rủi ro cho chính các ngân hàng. Khi các vụ tín dụng cho vay nặng lãi đổ bể, nhiều chủ nợ của các trùm tín dụng cho vay nặng lãi bỏ trốn, xử nợ, lại chính là con nợ của các tổ chức tín dụng.

Vì lãi lớn, lại tránh được thuế và sự quản lý của các cơ quan chức năng, nên tín dụng cho vay nặng lãi là lĩnh vực hấp dẫn đối với những đối tượng tội phạm kinh tế. Những người có hành vi kinh doanh tín dụng cho vay nặng lãi một số nơi luôn có xu hướng móc nối với cán bộ ngân hàng để thực hiện hành vi trục lợi. Điều này làm nảy sinh vấn đề về rủi ro đạo đức của các cán bộ tín dụng tại các ngân hàng. Chính lòng tham này của cán bộ ngân hàng là một yếu tố làm gia tăng hoạt động tín dụng cho vay nặng lãi, từ đó gây nên những hệ lụy vô cùng lớn trong lĩnh vực tài chính ngân hàng nếu không được giám sát, kiểm soát chặt chẽ. Chẳng hạn, họ có thể làm trung gian tìm cách bỏ vốn vào phục vụ việc đảo nợ cho những người vay ngân hàng đến hạn, hưởng lãi suất cao từ phía người vay; hoặc những người kinh doanh tín dụng cho vay nặng lãi vì có tài sản mà họ có thể lập dự án (đôi khi là dự án không có thực) để vay ngân hàng, sau đó dùng tiền vay được cho vay bên ngoài với lãi suất cao hơn nhiều so với lãi suất ngân hàng hiện hành...

Để được vay vốn qua kênh tín dụng ngân hàng chính thống, người vay phải thỏa mãn được các điều kiện vay vốn theo qui định của pháp luật và của ngân hàng. Các ngân hàng có trách nhiệm hướng dẫn người vay sử dụng vốn, khuyến cáo các nguy cơ để bảo đảm an toàn vốn cho người vay. Còn hoạt động tín dụng cho vay nặng lãi thì ngược lại, chỉ nhằm mục đích lợi dụng người vay để thu lãi cắt cổ, thậm chí chúng còn mong người vay không trả được nợ để xiết tài sản trục lợi. Những người hoạt động tín dụng cho vay nặng lãi luôn tìm cách lợi dụng chính sách ngân hàng để thực hiện hành vi trục lợi qua dịch vụ của họ.

Không ít ý kiến đưa ra nhận định, tín dụng cho vay nặng lãi chỉ được dân loại trừ khỏi đời sống xã hội khi mà hệ thống tín dụng chính thức hoạt động tốt. Bởi, khi hệ thống tín dụng chính thức hoạt động ổn định, người dân có thể tiếp cận



được nguồn tín dụng qua hệ thống các tổ chức tín dụng, khi đó tín dụng cho vay nặng lãi không còn đất sống. Điều này cũng có thể hiểu rằng, chỉ khi nào hệ thống ngân hàng thực sự có một “cơ thể” khỏe mạnh để có thể bơm tín dụng ra nền kinh tế, thì lúc đó tín dụng cho vay nặng lãi tự nó sẽ bị đẩy lùi.

Nhận định trên cũng đồng nghĩa với việc loại trừ tín dụng cho vay nặng lãi là rất khó khăn. Tín dụng cho vay nặng lãi chỉ có thể được triệt tiêu tận gốc khi xã hội loại trừ được các hành vi kinh doanh phi pháp. Khi xã hội còn tồn tại hành vi kinh doanh phi pháp như buôn lậu, gian lận thương mại, rửa tiền, kinh doanh hàng quốc cấm... thì vẫn còn tín dụng cho vay nặng lãi, vì tín dụng chính thống không thể cấp vốn cho những hoạt động này.

6. Tần suất và mức độ nghiêm trọng của tín dụng cho vay nặng lãi ở nước ta đang ở mức báo động

Hoạt động tín dụng cho vay nặng lãi ở nước ta đã âm ỉ từ rất lâu, nhưng gần đây mới đổ bể nhiều và diễn biến phức tạp. Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng, các vụ vỡ nợ tín dụng cho vay nặng lãi thời gian gần đây mới bùng ra một cách khủng khiếp, hơn hẳn thời gian trước là do việc các tổ chức tín dụng thắt chặt các điều kiện tín dụng. Từ năm 2011, nợ xấu tăng, các TCTD thắt chặt các điều kiện cấp tín dụng để giảm thiểu rủi ro, đây là cơ hội để tín dụng cho vay nặng lãi bùng phát. Tín dụng ngân hàng bị thắt chặt cộng với suy thoái kinh tế, các doanh nghiệp rơi vào cảnh sức cùng lực kiệt, nên các “quả bom” tín dụng cho vay nặng lãi bắt đầu phát nổ.

Hậu quả của việc vay tiền từ tín dụng cho vay nặng lãi là không thể trả được lãi và gốc của những khoản vay. Trên thực tế, không có ngành kinh doanh nào có thể kinh doanh sinh ra đủ lợi nhuận để chi trả lãi vay tín dụng cho vay nặng lãi. Về phía cung nguồn vốn cho tín dụng cho vay nặng lãi, khi lãi suất lên đến đỉnh điểm, lắm người không chỉ dốc toàn bộ số tiền tiết kiệm được mà còn giấu gia đình cầm sổ đỏ vay tiền ngân hàng, đi huy động anh em, họ hàng, người thân giúp để có tiền cho vay. Các đối tượng vay tiền đã đánh đúng vào lòng tham lãi suất cao của

người cho vay. Đây là vấn đề rất khó thay đổi bởi nó ăn sâu, bám rễ vào tâm tưởng của một bộ phận dân cư. Mặc dù vẫn biết cho vay ngoài ngân hàng có rất nhiều nguy cơ rủi ro nhưng vì ham lãi suất cao, nhiều người vẫn nhắm mắt đánh cược với số phận. Bởi cho vay lãi cao như vậy chẳng khác gì “gà đẻ trứng vàng”. Về phía đi vay, vì lãi mẹ đẻ lãi con quá lớn, khoản nợ không ngừng tăng lên, vì thế sẽ dẫn đến những người vay nợ mất khả năng chi trả. Hệ lụy của nó không chỉ là làm méo mó, hủy hoại nền kinh tế, mà thậm chí liên quan đến cả tính mạng con người. Đã có không ít số phận phải kết thúc bi thảm chỉ vì tín dụng cho vay nặng lãi.

Từ cuối năm 2013, cơn bão đổ bể tín dụng cho vay nặng lãi bùng phát với sức tàn quét khủng khiếp. Liên tục các vụ vỡ nợ với số tiền hàng trăm tỷ đồng xảy ra tại các địa bàn như Lạng Sơn, Hà Nội, Hải Dương, Điện Biên... đã gây bàng hoàng dư luận. Hàng trăm, hàng nghìn gia đình các nạn nhân đã rơi vào hoàn cảnh bĩ cực, “tán gia bại sản”, thậm chí không nơi tá túc. Một con số thống kê (không chính thức) cho rằng, nguồn tín dụng cho vay nặng lãi vào thời điểm cuối năm 2013 chiếm xấp xỉ 30% tín dụng ngân hàng, với quy mô khoảng 50 tỉ USD². Đây là một con số quá lớn và sẽ rất nguy hiểm nếu tín dụng cho vay nặng lãi không có điểm dừng. Điển hình cho các vụ đổ bể tín dụng cho vay nặng lãi có thể kể đến như: Vụ vỡ nợ của vợ chồng Nguyễn Văn Trung- Tô Thị Bích Liên ở thành phố Lạng Sơn với khoản huy động đến 390 tỷ đồng; vụ đổ vỡ của bà Trương Thị Hải Yến, Chủ tịch HĐQT, Phó Hiệu trưởng Trường THPT dân lập Phương Nam ở Hà Nội vay lãi suất cao của 18 chủ nợ với 268 tỷ đồng; tuyên bố vỡ nợ của bà Lê Thị Thúy, Giám đốc Công ty TNHH Hanh Thúy với số tiền 160 tỷ đồng; vụ án Huỳnh Thị Huyền Như đầu năm 2014 lừa đảo chiếm đoạt số tiền gần 5.000 tỷ đồng gây hậu quả nghiêm trọng cho nhiều ngân hàng, doanh nghiệp và cá nhân; vụ Mã Hóa Kim ở Sóc Trăng cưỡng đoạt tài sản và cho vay nặng lãi...

Hậu quả của tín dụng cho vay nặng lãi đổ vỡ làm đảo lộn cuộc sống nhiều người dân, gây bất

² Theo dantri.com.vn ngày 14/10/2013.



ồn xã hội, xâm hại tới trật tự xã hội, kìm hãm sản xuất, tác động tiêu cực đến kết quả hoạt động của một số tổ chức tín dụng, doanh nghiệp và ảnh hưởng tới những vấn đề xã hội khác.

7. Những khuyến nghị

Trong thời gian tới, để hạn chế, đẩy lùi hoạt động tín dụng cho vay nặng lãi, Chính phủ, các cơ quan bảo vệ pháp luật, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cần tập trung giải quyết tốt các vấn đề:

Thứ nhất, tăng khả năng cung ứng vốn cho nền kinh tế của các tổ chức tín dụng, nhất là vốn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ gia đình cá nhân ở nông thôn, vùng sâu, vùng xa. Chính phủ cần sớm ban hành Nghị định mới về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn thay thế cho Nghị định số 41/2010/NĐ-CP ngày 12/4/2010. Nghị định mới cần tăng mức cho vay không có bảo đảm bằng tài sản và khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư chế biến các mặt hàng có nguyên liệu đầu vào là các sản phẩm nông nghiệp để giá tăng chuỗi giá trị sản phẩm, hàng hóa có nguồn gốc từ nông sản, thực phẩm.

Thứ hai, cần sớm ban hành qui định về cho vay đảo nợ. Quy định về đảo nợ được nêu tại Luật các TCTD năm 1997 (Điều 54) và Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN (Điều 9). Các nhà quản lý đều cho rằng, nếu không có qui định chặt chẽ, thì việc đảo nợ rất dễ bị lợi dụng, dẫn tới thiếu minh bạch và an toàn cho hoạt động tín dụng. Có lẽ vì lí do này, nên đến nay, NHNN chưa có hướng dẫn cụ thể về cho vay đảo nợ. Luật các TCTD 2010 hiện hành không có qui định về đảo nợ. Tuy nhiên, trong một số trường hợp, đảo nợ là cần thiết cả về lí luận và thực tiễn. Chẳng hạn như, đảo nợ trong cho vay lưu vụ ngành nông nghiệp như cây lúa, cây mía, chăm sóc cây cà phê, hồ tiêu, hay cho vay tái tục để khách hàng tiếp tục duy trì khoản vay thêm một kỳ hạn mới hoặc kéo dài thời gian cho vay để tiếp tục thực hiện phương án sản xuất kinh doanh trước. Nếu có qui định và hướng dẫn cụ thể về đảo nợ trong các trường hợp này thì sẽ hạn chế đáng kể việc khách hàng vay nặng lãi để đảo nợ ngân hàng.

Thứ ba, kiểm soát tốt hoạt động của hệ thống tài chính, kể cả hệ thống tài chính ngầm. Đối với hoạt động ngân hàng, để tín dụng cho vay nặng

lãi không xâm nhập được hệ thống tín dụng chính thống, cần tiếp tục hoàn thiện môi trường pháp luật theo hướng minh bạch, thông thoáng, ổn định, đảm bảo bình đẳng và an toàn cho các doanh nghiệp tham gia thị trường hoạt động có hiệu quả. Mặt khác, tăng cường hoạt động thanh tra giám sát của NHNN, của các cơ quan bảo vệ pháp luật và hoạt động kiểm toán nội bộ của từng tổ chức tín dụng, kiên quyết loại bỏ những cán bộ có hành vi tiếp tay cho tín dụng cho vay nặng lãi. Đối với hệ thống tài chính ngầm cần phải có chế tài đủ mạnh để mang tính răn đe. Đồng thời, tăng thẩm quyền và năng lực chuyên môn của cơ quan an ninh kinh tế trong xử lý hoạt động tín dụng cho vay nặng lãi. Chú trọng việc phối hợp công tác, chia sẻ thông tin giữa NHNN và các cơ quan bảo vệ pháp luật, cơ quan chức năng trong quá trình quản lý, thanh tra, giám sát và xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật đối với hoạt động tín dụng cho vay nặng lãi.

Thứ tư, tăng cường khả năng phát hiện, đấu tranh, phòng ngừa các hành vi kinh doanh phi pháp như buôn lậu, gian lận thương mại, rửa tiền, kinh doanh hàng quốc cấm... Chỉ có thể chống kinh doanh phi pháp có hiệu quả khi giải quyết triệt để tệ nạn tham nhũng. Còn tồn tại những cán bộ có chức, có quyền bao che, bảo kê cho các hoạt động phi pháp thì tín dụng cho vay nặng lãi sẽ còn hoành hành và xã hội còn phải gánh chịu hậu quả.

Thứ năm, tăng cường các chế tài pháp luật đủ mạnh để nhận diện và trừng phạt hoạt động tín dụng cho vay nặng lãi. Cần phải tăng khung chế tài hình phạt đối với tội hoạt động tín dụng cho vay nặng lãi. Như đề cập ở trên các tổ chức, cá nhân cho vay tín dụng cho vay nặng lãi là hết sức tinh vi, nếu chỉ dựa vào hồ sơ, giấy nhận nợ, thì khó có thể kết tội được chúng. Pháp luật cần qui định chi tiết các căn cứ phạm tội như mối quan hệ trong cho vay, tính hợp pháp của tài sản đảm bảo tiền vay; đặc biệt, coi trọng chứng cứ lời khai của các bên liên quan, nhất là bị hại và các nhân chứng.

Cuối cùng, làm tốt công tác thông tin, tuyên truyền về hậu quả của việc tham gia hoạt động cho vay nặng lãi, cũng như các biểu hiện, hành



vi, mưu kế của những kẻ hoạt động tín dụng cho vay nặng lãi. Ở đây cần nhấn mạnh vai trò của các phương tiện thông tin đại chúng, của cấp ủy, chính quyền địa phương, mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị, đoàn thể xã hội. Đối với ngành ngân hàng, tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật và đào tạo, nâng cao trình độ nghiệp vụ, ý thức trách nhiệm, tư tưởng chính trị và đạo đức nghề nghiệp của cán bộ ngân hàng. ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Luật Dân sự 2005
2. Luật các TCTD năm 1997 và 2010
3. Bộ luật Hình sự
4. Các báo pháp luật, dantri, cafef.com, vnexpress
5. Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 17/11/2006
6. Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001
7. vov.vn, sbv.gov.vn

SUMMARY

Usury in Vietnam- Origin, consequences and solutions

Usury, or black credit, is a term used to describe lending between individuals or organizations which bypass the official credit system. Black credit lending usually occurs underground and quietly. The most fundamental characteristic of usury is lending with super high interest rate and often are prohibited by the laws. The consequences of black credit collapsing affect the life of many people, breaking social orders and causing social unrest, inhibiting production, negatively impact the performance of credit institutions and businesses and creating many other social issues. Therefore, most laws and regulations strive to stop the development of black credit.

This article study the origin, situation as well as the consequences of black credit in Vietnam, laws and regulations on black credit and on that basis, make recommendations to restrain and repel black credit operations.

THÔNG TIN TÁC GIẢ

Nguyễn Mạnh Hùng, Tiến sĩ

Đơn vị công tác: Viện Chiến lược Ngân hàng

Lĩnh vực nghiên cứu chính: Tài chính - Tiền tệ -

Tín dụng ngân hàng.

Tạp chí tiêu biểu đã có bài viết đăng tải: Tạp chí Ngân hàng, Tạp chí Khoa học và Đào tạo Ngân hàng, Tạp chí Thị trường tài chính và Tiền tệ, Tạp chí Công nghệ Ngân hàng.

Email: manhhungvba@gmail.com

Tiếp theo trang 73

of Worker Remittances. American University, WCL Research Paper No. 2008-39. Available at SSRN: <http://ssrn.com/abstract=1096700> or <http://dx.doi.org/10.2139/ssrn.1096700>.

7. International Monetary Fund. (2012). Country report No.12/165. Washington, DC: The International Monetary Fund.

8. Ketkar, S., & Ratha, D. (2009). *Innovative Financing for Development*. Washington, DC: The World Bank.

9. Martínez, J. d. (2005). *Workers' Remittances to Developing Countries: A Survey with Central Banks on Selected Public Policy Issues*. Washington, DC: World Bank Policy Research Working Paper 3638.

10. Ministry of Foreign Affairs of Vietnam. (2012). *Review of Vietnamese Migration Abroad*. Hanoi: Consular Department, the Ministry of Foreign Affairs of Viet Nam.

11. Pham, A. (2010). *The Returning Diaspora: Analyzing overseas Vietnamese (Viet Kieu) Contributions toward Vietnam's Economic Growth*. Hanoi: DEPOCEN, Working Paper Series No. 2011/20.

12. Puri, S., & Ritzema, T. (1999). *Migrant Worker Remittances, Micro-finance and the Informal Economy: Prospects and Issues*. Geneva: International Labour Organization, Working Paper No. 21.

13. Ratha, D. (2007). *Leveraging Remittances for Development*. Washington, DC: Migrant Policy Insititue.

14. Sakr, K. (2006). *The Size, Benefits and Determinants of Migrants' Remittances in Vietnam*. Washington, DC: International Monetary Fund, Country Report No. 06/20.

15. Sander, C. (2003). *Migrant Remittances to Developing Countries*. The UK Department of International Development (DFID).

16. United Nations. (2013). *Maximising the Development Impact of Remittances*. New York and Geneva: The United Nations.

17. World Bank. (2010). *Migration and Development Brief 13*. Washington, DC: The World Bank.

18. World Bank. (2014). *Migration and Development Brief 20, 21*. Washington, DC: The World Bank.